

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH TÍN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH TÍN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH TIN GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THANH TIN GROUP., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109023686

3. Ngày thành lập: 12/12/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 2, số 58A tòa nhà Trung Yên, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
2.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
3.	Khai thác và thu gom than non	0520
4.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
5.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho ngoại quan Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan) Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho khác	5210
6.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa	5222
7.	Bốc xếp hàng hóa	5224
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển Dịch vụ đại lý vận tải đường biển	5229
9.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
10.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan	4661
11.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt thép	4662

12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;	4663
13.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh : Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
14.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;	4752
15.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
16.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
17.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
18.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
19.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
20.	Hoạt động chiếu phim Chi tiết: Hoạt động chiếu phim cố định	5914
21.	Phá dỡ	4311
22.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
23.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Bán buôn xe có động cơ khác	4511
24.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác	4513
25.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
26.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
27.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	4620
28.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649

29.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội, ngoại thất Tur vản thiết kế xây dựng công trình	7410
30.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
31.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
32.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
34.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
35.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
36.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác	4933
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
38.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
39.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
40.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển	7730
41.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
42.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô Cho thuê xe có động cơ khác	7710
43.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
44.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221

46.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán lẻ đèn và bộ đèn; - Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh; - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, li, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; - Bán lẻ thiết bị gia dụng; - Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt...không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng;	4759
47.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
48.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
49.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
50.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
51.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đầu giá)	4512
52.	Xây dựng công trình điện	4221
53.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
54.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
55.	Trồng cây hàng năm khác	0119
56.	Trồng cây cao su	0125
57.	Trồng cây chè	0127
58.	Trồng cây hồ tiêu	0124
59.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng cây lâu năm khác còn lại	0129
60.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Trồng rừng và chăm sóc rừng cây thân gỗ Trồng rừng và chăm sóc rừng họ tre Trồng rừng và chăm sóc rừng khác	0210
61.	Khai thác gỗ	0220
62.	Khai thác thủy sản biển	0311
63.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
64.	Nuôi trồng thủy sản biển Chi tiết: Nuôi thủy sản khác	0321
65.	Khai thác dầu thô	0610
66.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
67.	Khai thác quặng sắt	0710
68.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
69.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
70.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
71.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
72.	Khai thác và thu gom than bùn	0892

73.	Khai thác muối	0893
74.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
76.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
77.	Sản xuất chè	1076
78.	Sản xuất cà phê	1077
79.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
80.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
81.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
82.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
83.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
84.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
85.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
86.	Sản xuất đồng hồ	2652
87.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
88.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
89.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
90.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
91.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
92.	Thu gom rác thải độc hại	3812
93.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
94.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
95.	Tái chế phế liệu	3830
96.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
97.	Xây dựng nhà để ở	4101
98.	Xây dựng nhà không để ở	4102
99.	Xây dựng công trình thủy	4291
100.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
101.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
102.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng công trình đường thủy, bến cảng, xây dựng công trình đường hầm, xây dựng công trình thể thao ngoài trời; chi tách đất và cải tạo đất.	4299

103.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước Hoạt động đo đạc và bản đồ Lập dự án xây dựng đầu tư xây dựng công trình Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Kiểm định chất lượng xây dựng công trình Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực công trình xây dựng và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp Lập dự án đầu tư xây dựng công trình	7110
104.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
105.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
106.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
107.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
108.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
109.	Bán mô tô, xe máy (trừ đấu giá) Chi tiết: Bán lẻ mô tô, xe máy	4541
110.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
111.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
112.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
113.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
114.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, tinh bột Bán buôn thực phẩm khác	4632
115.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669
116.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
117.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
118.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất phim điện ảnh Hoạt động sản xuất phim video Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình	5911
119.	Hoạt động hậu kỳ	5912
120.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư	6619

121.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
122.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản, Môi giới bất động sản	6820
123.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
124.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
125.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
126.	Giáo dục nhà trẻ	8511
127.	Giáo dục mẫu giáo	8512
128.	Giáo dục tiểu học	8521
129.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
130.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
131.	Đào tạo sơ cấp	8531
132.	Đào tạo trung cấp	8532
133.	Đào tạo cao đẳng	8533
134.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; Nhóm này cũng gồm: - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Dạy bay; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính	8559
135.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
136.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế (Chỉ hoạt động khi nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8610
137.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa (Chỉ hoạt động khi nhà nước có thẩm quyền cho phép) Chi tiết: Hoạt động của các phòng khám nhà khoa	8620

6. Vốn điều lệ: 168.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ HÙNG TIỀN	8B ngõ 81/24/30 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.120.000	151.200.000.000	90,000	030074000006	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	15.120.000	151.200.000.000	90,000		
2	NGUYỄN THẾ ĐỨC	23 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	840.000	8.400.000.000	5,000	111487552	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	840.000	8.400.000.000	5,000		

3	ĐÀO NGỌC BÍNH	SN 92, tổ 6, Khu đồng dao 1, Thị trấn Phong Châu, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	840.000	8.400.000.000	5,000	131629660	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	840.000	8.400.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ HÙNG TIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 01/03/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030074000006

Ngày cấp: 13/12/2012

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 8B ngõ 81/24/30 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 8B ngõ 81/24/30 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Họ và tên: NGUYỄN THẾ ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 06/10/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 111487552

Ngày cấp: 10/01/2009

Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *23 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *23 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội